

QUY CH H C V THEO H C CH TÍN CH

(Ban hành kèm theo Quy t nh s 738/Q - HM
ngày 18 tháng 9 n m 2012 c a Hi u tr ng Tr ng i h c M Tp. HCM)

Ch ng I

NH NG QUY NH CHUNG

ì u 1. Ph m vi i u ch nh và ì t ng áp d ng

1. Quy ch này quy nh vi c ào t o i h c và cao ng h chính quy theo h c ch tín ch , bao g m: t ch c ào t o; ánh giá k t qu h c t p; xét và công nh n t t nghi p.
2. Quy ch này áp d ng ì v i sinh viên các khoá ào t o h chính quy trình i h c và cao ng t i Tr ng i h c M TP. H Chí Minh th c hi n theo hình th c tích lu tín ch .

ì u 2. Ch ng trình giáo d c i h c

1. Ch ng trình ào t o c a Tr ng i h c M Tp. H Chí Minh (sau ây g ì t t là ch ng trình) th hi n m c tiêu giáo d c i h c, quy nh chu n ki n th c, k n ng, ph m vi và c u trúc n i dung giáo d c i h c ph ng pháp và hình th c ào t o, cách th c ánh giá k t qu ào t o ì v i m i môn h c, ngành h c, trình ào t o c a giáo d c i h c và cao ng.
2. Ch ng trình c xây d ng trên c s ch ng trình khung do B tr ng B Giáo d c và ào t o ban hành và nh h ng ào t o c a Tr ng i h c M TP. H Chí Minh. M i ch ng trình g n v i m t ngành (ki u n ngành) ho c v i m t vài ngành (ki u song ngành; ki u ngành chính - ngành ph ; ki u 2 v n b ng...).
3. Ch ng trình c c u trúc t các môn h c thu c hai kh i ki n th c: giáo d c i c ng và giáo d c chuyên nghi p.

ì u 3. Khái ni m và nh ngh a c b n

1. Khóa – Ngành
 - a. Khái ni m Khóa – Ngành c s d ng xác nh các sinh viên cùng 1 khóa tuy n sinh, cùng nh p h c và cùng h c theo ch ng trình ào t o c a 1 ngành.

- b. Mã khóa – ngành sẽ được quy định mã số theo khoa, ngành và khóa học phân biệt.
 - c. Chương trình đào tạo của mã khóa – ngành sẽ công bố trên website của Trường (<http://www.ou.edu.vn>).
2. Học kỳ - Năm học
- a. Học kỳ là một khoảng thời gian nhất định trong quá trình tổ chức đào tạo bao gồm:
 - Thời gian dành cho các hoạt động giảng dạy, học tập các môn học.
 - Thời gian dành cho việc đánh giá kết quả (kiểm tra, thi, báo cáo khóa luận hoặc luận văn tốt nghiệp...).
 - Thời gian nghỉ.
 - b. Năm học trường Đại học TP. Hồ Chí Minh gồm 03 học kỳ, mỗi học kỳ 13-15 tuần dành cho các hoạt động giảng dạy và học tập. Thời gian thực hiện các hoạt động học tập, giảng dạy và thi trong mỗi học kỳ (kể cả các ngày nghỉ lễ, nghỉ hè, nghỉ Tết...) được quy định trong kế hoạch đào tạo năm học do Phòng Quản lý Đào tạo ban hành hàng năm.
3. Tín chỉ học tập
- a. Tín chỉ là đơn vị quy chuẩn dùng để lượng hóa khối lượng kiến thức và khối lượng học tập, giảng dạy trong quá trình đào tạo. Tín chỉ được là đơn vị đo lường tiến bộ và đánh giá kết quả học tập của sinh viên dựa trên sự lượng giá định lượng.
 - b. Một tín chỉ tương đương bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 - 45 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 45 - 90 giờ thực tập thực tế; 45 - 60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc luận văn, khóa luận tốt nghiệp.
 - c. Một tiết học tương đương tính bằng 50 phút.
 - d. Hoàn thành khối lượng kiến thức của 01 tín chỉ sinh viên cần chú ý, tích lũy điểm trung bình ngoài giờ lên lớp.
4. Tín chỉ học phí
- a. Tín chỉ học phí là một đơn vị dùng để lượng hóa chi phí của các hoạt động giảng dạy, học tập tính cho từng môn học.
 - b. Học phí được tính bằng tổng tín chỉ mà sinh viên đã đăng ký nhận văn bằng tiến sĩ học phí của 1 tín chỉ.
 - c. Mức học phí do Hội đồng Trường quy định cho từng bậc học, từng học phần và từng môn học trên cơ sở chi phí thực tế và mức tiêu chuẩn.
5. Môn học
- a. Môn học là đơn vị cấu thành của chương trình đào tạo, gồm một phần nội dung thực hành và lý thuyết chuyên môn và một phần giảng dạy trong mỗi học kỳ.

Hoạt động học tập, giảng dạy các môn học bao gồm thay đổi hình thức sau:

- Giảng dạy lý thuyết – thực hành thành các lớp môn học;
- Giảng dạy, hướng dẫn thực hành, bài tập – thực hành theo lớp hay theo từng nhóm;
- Giảng dạy thí nghiệm, thực hành tại phòng thí nghiệm, phòng thực hành;
- Hướng dẫn thực tập, thực tập tại các cơ sở bên ngoài;
- Hướng dẫn án, tài liệu và khóa luận tốt nghiệp theo tài.

b. Môn học trong chương trình đào tạo xác định:

- Loại môn học.
- Mã số môn học.
- Số tín chỉ học tập.
- Điều kiện đăng ký môn học.
- Công nợ môn học.

c. Phân loại các môn học trong chương trình đào tạo:

Chương trình đào tạo gồm hai loại kiến thức: kiến thức cơ bản và kiến thức chuyên ngành. Mỗi loại kiến thức có 2 nhóm môn học sau:

- Môn học bắt buộc: là các môn học trong chương trình đào tạo thể hiện những nội dung cơ bản của ngành và chuyên ngành đào tạo mà sinh viên bắt buộc phải hoàn tất yêu cầu xét tốt nghiệp.
- Môn học tự chọn: là môn học chuyên ngành những nội dung kiến thức thể hiện tính đa dạng của mỗi chương trình đào tạo do sinh viên tự chọn theo hướng dẫn của ban đào tạo hoặc tự chọn theo nguyện vọng cá nhân. Có 2 loại môn học tự chọn:

+ Môn học tự chọn bắt buộc là môn học có trong chương trình đào tạo mà sinh viên theo học, chuyên ngành những nội dung kiến thức bắt buộc thi tốt nghiệp chương trình đào tạo tích lũy số tín chỉ quy định cho mỗi chương trình đào tạo.

+ Môn học tự chọn tự ý là môn học sinh viên đăng ký học theo nguyện vọng tích lũy kiến thức, ghi kết quả vào bảng điểm nhưng không tính vào kết quả tích lũy học và khóa học, không tính xét học bổng, xét tốt nghiệp. Sinh viên có thể chọn môn học này trong chương trình đào tạo của ngành đã đăng ký học hoặc của ngành khác trong trường.

d. Phân loại theo trình độ học tập và học tập trong chương trình đào tạo bao gồm các loại môn học:

- Môn học bình thường – Các môn học không có điều kiện tiên quyết khi sinh viên đăng ký học tập.

- Môn học tiên quy t – Nếu môn học A là môn học tiên quy t của môn học B, thì i u ki n sinh viên ng ký h c môn học B là k t qu h c t p môn học A ph i t yêu c u theo quy nh c a nhà tr ng.
- Môn học tr c - Môn học A là môn học tr c c a môn học B, thì i u ki n b t bu c ng ký h c môn học B là sinh viên ã ng ký và c xác nh nh c xong môn A (có th ch a t). Sinh viên c phép ng ký h c môn B vào h c k ti p sau h c k ã h c môn A.
- Môn học song hành – Môn học A là môn học song hành c a m t môn học B, thì i u ki n b t bu c ng ký h c môn học B là sinh viên ã ng ký h c môn học A. Sinh viên c phép ng ký h c môn học B vào cùng h c k ã ng ký h c môn học A ho c vào các h c k ti p sau.
- Môn học t ng ng – Môn học t ng ng là m t hay m t nhóm môn học thu c ch ng trình ào t o c a m t khóa – ngành khác ang t ch c ào t o t i tr ng mà sinh viên c phép tích l y thay th cho m t hay m t nhóm môn học trong ch ng trình ào t o c a khóa - ngành ang theo h c.
- Môn học thay th - Môn học ho c m t nhóm môn học mà sinh viên c phép tích l y thay th cho m t môn học có trong ch ng trình ào t o c a khóa – ngành ang theo h c nh ng không còn t ch c gi ng d y do Khoa i u ch nh ch ng trình ào t o.

6. L p môn học

- a. L p môn học là l p c a các sinh viên cùng ng ký m t môn học, có cùng th i khoá bi u c a môn học trong cùng m t h c k . M i l p môn học c g n m t mã l p riêng. S l ng sinh viên c a m t l p môn học c gi i h n b i s c ch a c a phòng học/phòng thí nghi m ho c c s p x p theo các yêu c u riêng c thù c a môn học.
- b. S l ng sinh viên t i thi u xem xét m l p môn học trong h c k do Phòng Qu n lý ào t o quy nh trên c s :
 - Kinh phí t ch c l p học
 - i u ki n t ch c gi ng d y c a môn học
 - Kh n ng th c hi n c a Khoa, Ban ph trách chuyên môn

7. L p sinh viên

- a. L p sinh viên c t ch c theo Quy ch v công tác c v n h c t p b c i h c, cao ng c a nhà tr ng. M i l p sinh viên có m t tên riêng g n v i khoa - ngành, khóa ào t o và do m t c v n h c t p ph trách.
- b. C v n h c t p có vai trò h tr và t v n các v n liên quan n h c t p c a sinh viên.

- c. Tổ chức hoạt động của lớp sinh viên, vai trò và trách nhiệm của các thành viên trong quy định rõ trong Quy chế và công tác của thành viên ban chấp hành, của sinh viên nhà trường.

8. Sưu tập sinh viên

Sưu tập sinh viên là tài liệu do nhà trường cung cấp cho sinh viên khi nhập học nhằm cung cấp thông tin về kế hoạch giảng dạy và học tập của khóa – ngành cùng các hình thức thi test giúp sinh viên lập kế hoạch học tập và ghi chép các vấn đề thường gặp.

Điểm 4. Sinh viên

1. Sinh viên chính quy

- a. Sinh viên chính quy của một khóa-ngành vào học đầu tiên là những thí sinh trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh cấp quốc gia, cao đẳng, Văn bằng hai, Liên thông từ cao đẳng lên cấp quốc gia – học chính quy hàng năm theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hoàn tất thủ tục nhập học theo quy định của nhà trường.
- b. Đối với các trường hợp sinh viên đăng học các trường quốc tế ngoài; sinh viên học chính quy các trường quốc tế khác trong nước có nguy cơ ngừng chuyên viên học tập trường H M TP. Hồ Chí Minh sẽ xét theo các quy định của nhà trường và quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Sinh viên đặc biệt

- a. Đối với người quốc gia có nhu cầu học tập bổ sung kiến thức, sẽ được xem xét theo quy định của nhà trường. Người quốc gia trong trường hợp này gọi là sinh viên đặc biệt.
- b. Các học sinh đặc biệt quốc gia phải làm thủ tục đăng ký theo hình thức đăng ký của Phòng Quản lý Đào tạo.
 - Sinh viên đặc biệt được cấp mã số sinh viên đặc biệt và phải thực hiện đầy đủ các qui định về đăng ký môn học, đóng học phí theo quy định của nhà trường.
 - Sinh viên đặc biệt chỉ được phép đăng ký học tập cho môn học đã học và có kết quả học tập tốt theo quy định của nhà trường.
 - Sinh viên đặc biệt không được học các chuyên ngành và quy định khác theo các chính sách xã hội của nhà trường.

Chương II

TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điểm 5. Thời gian và kế hoạch đào tạo

- Nhà trường tổ chức đào tạo theo khoá học, n môn học và học kỳ. Khoá học là thời gian thi tốt nghiệp sinh viên hoàn thành một chương trình cụ thể. Tuỳ thuộc chương trình, khoá học thời gian đào tạo cụ thể quy định như sau:

Bậc học	Thời gian đào tạo quy định	Thời gian đào tạo tối đa
Liên thông C - H	5 HK	10 HK
Cao đẳng	9 HK	18 HK
Đại học	12 – 14 HK	24 – 28 HK
Bằng thứ 2	6 HK – 9 HK	12 HK – 18 HK

- Các nội dung về khối lượng và nội dung kiến thức thi tốt nghiệp quy định cho các chương trình, nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo trên cơ sở phân bổ các môn học của chương trình đào tạo cho từng n môn học, từng học kỳ.
- Trên cơ sở kế hoạch tổ chức đào tạo của ngành học, sinh viên có thể đăng ký học vượt hoặc giảm số lượng tín chỉ đăng ký theo điều kiện và năng lực học tập của cá nhân.
- Khung thời gian đào tạo của 01 n môn học là 3 học kỳ. Thời gian tổ chức đào tạo mỗi học kỳ là 13 - 15 tuần.

Điều 6. Tuyển sinh và đăng ký nhập học

- Trường Đại học M - TP. Hồ Chí Minh tuyển sinh hàng năm theo kế hoạch tuyển sinh quốc gia của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc H, C và theo kế hoạch tuyển sinh của nhà trường về việc H bằng thứ 2, H liên thông từ cao đẳng lên đại học.
- Sau khi hoàn tất các thủ tục nhập học, thí sinh trúng tuyển trở thành sinh viên chính thức của nhà trường và được cung cấp các thông tin sau:
 - Mã số sinh viên
 - Thẻ sinh viên
 - Chương trình đào tạo của khóa – ngành
 - Sổ tay sinh viên

Điều 7. Đăng ký khối lượng học tập

- Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, Phòng Quản lý Đào tạo thông báo khung thời gian đào tạo: thời gian học tập và thi; danh mục môn học để đăng ký môn học sinh viên đăng ký môn học

2. Sinh viên tùy theo khả năng và điều kiện học tập cá nhân đăng ký học các môn học để theo đuổi các ngành học và Khoa, Ban phụ trách đào tạo.
3. Phòng Quản lý Đào tạo tổ chức cho sinh viên đăng ký môn học 2 lần, bao gồm:
 - a. Đăng ký bình thường là hình thức đăng ký các học phần trong học kỳ đầu tiên của học kỳ 1 và học kỳ 2 của năm.
 - b. Đăng ký miễn là hình thức đăng ký các học phần trong 2 tuần đầu của học kỳ, dành cho những sinh viên miễn đăng ký học thêm học phần đăng ký vào các môn học khác khi không có lịch.
 - a. Khi lịch học tập mà miễn sinh viên phải đăng ký trong học kỳ quy định như sau: số tín chỉ đăng ký tối đa 30 tín chỉ cho học kỳ và lịch trình học tập cá nhân các môn học không chồng chéo nhau.

Điều 8. Điều chỉnh khi lịch học tập

1. Ví dụ điều chỉnh khi lịch học tập đã đăng ký các học phần trong thời gian 2 tuần đầu của học kỳ. Ngoài thời gian trên, sinh viên không được thay đổi khi lịch học tập. Nếu sinh viên không đi học sẽ xem như tự ý bỏ học.
2. Điều chỉnh khi lịch học tập đã đăng ký, sinh viên phải thực hiện các yêu cầu sau:
 - a. Sinh viên phải liên hệ với Khoa, Ban phụ trách chuyên môn để xin.
 - b. Sinh viên phải làm thủ tục điều chỉnh khi lịch học tập theo hướng dẫn của Phòng Quản lý Đào tạo.
 - c. Sinh viên chỉ được phép học môn học sau khi được Phòng Quản lý Đào tạo chấp thuận.

Điều 9. Đăng ký học lại và học cải thiện

1. Đối với các môn học bắt buộc hoặc môn học tự chọn bắt buộc theo ngành/chuyên ngành, nếu sinh viên có điểm môn học không đạt thì bắt buộc phải đăng ký học lại khi môn học đó có thể đăng ký ngay.
2. Đối với các môn học tự chọn nếu sinh viên có quy định đăng ký học lại chính môn học đó hoặc là các môn tự chọn khác cùng nhóm môn bắt buộc tích lũy số tín chỉ. Sinh viên không nhất thiết phải học lại môn học tự chọn của tuần trước tích lũy số tín chỉ của nhóm tương ứng.
3. Đối với môn học có điểm thi từ 5 trở lên, sinh viên có thể đăng ký học lại cải thiện. Điểm thi cao nhất trong các lần đăng ký học sẽ được chọn tính vào điểm trung bình chung tích lũy.

4. Thủ tục đăng ký học tập thi nhận miễn hoàn toàn giấy phép thi thủ tục đăng ký môn học lần đầu. Sinh viên đăng ký theo hướng dẫn của Phòng Quản lý Đào tạo và quy trình đăng ký môn học.

Điểm 10. Nghỉ học tạm thời – Xin thôi học

1. Thủ tục nghỉ học tạm thời
 - a. Sinh viên có thể xin nghỉ học tạm thời và bỏ học tạm thời đã học trong các trường hợp sau:
 - Các trường hợp vào các lễ lễ ngày vui;
 - Bị bệnh hoặc tai nạn phải nghỉ học tạm thời dài, nhưng phải có giấy xác nhận của bác sĩ;
 - Các trường hợp khác, sinh viên phải hết nhiệm vụ học tập và lý do nghỉ học tạm thời của Phòng Quản lý Đào tạo chấp thuận.
 - b. Sinh viên chấp thuận nghỉ học tạm thời và bỏ học tạm thời sau khi đã làm thủ tục theo hướng dẫn của Phòng Quản lý Đào tạo.
 - c. Thời gian nghỉ học tạm thời tính vào thời gian cho phép kéo dài tối đa của khóa học (trừ trường hợp thi hành Nghĩa vụ quân sự)
 - d. Sinh viên nghỉ học tạm thời, khi muốn tiếp tục thi tiếp tục phải làm thủ tục theo quy định của nhà trường ít nhất một tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới và của Phòng Quản lý Đào tạo ra quyết định cho phép tiếp tục học tập.
2. Thủ tục xin thôi học
 - a. Khi sinh viên xin thôi học nhà trường sẽ ra quyết định thôi học và xóa tên khỏi danh sách sinh viên.
 - b. Sinh viên xin thôi học phải làm thủ tục theo hướng dẫn của Phòng Quản lý Đào tạo và hoàn tất các thủ tục khác theo quy định của nhà trường.

Điểm 11. Bị buộc thôi học – Tạm đình học

Sau khi học kỳ, sinh viên bị buộc thôi học – bị tạm đình học nếu vi phạm trong các trường hợp sau:

1. Thủ tục bị buộc thôi học
 - a. Đã hết thời gian đào tạo, kể cả thời gian kéo dài học tập, theo quy định của nhà trường nhưng chưa đủ kiến thức cần thiết và nhận bằng (Quy định chi tiết điểm 4 – mục 1).
 - b. Vi phạm kỷ luật nghiêm trọng bị buộc thôi học.
2. Thủ tục bị tạm đình học
 - a. Tỷ lệ học không lý do 2 học kỳ liên tiếp.

b. Không hoàn thành nghĩa và học phí theo quy định của nhà trường.

c. Vi phạm kỷ luật nghiêm trọng của sinh viên.

Kết thúc thời gian bố trí công việc sinh viên phải làm theo hướng dẫn của Phòng Quản lý Đào tạo tiếp tục công việc.

Thời gian tạm dừng công việc tính vào thời gian cho phép kéo dài tối đa của khóa học.

Điều 12. Học sinh hai chương trình

1. Sinh viên học cùng lúc hai chương trình là sinh viên có nhu cầu đăng ký học thêm một chương trình thứ hai khi tốt nghiệp cấp hai và cấp hai và cấp ba.

2. Điều kiện học cùng lúc hai chương trình:

a. Ngành đào tạo chính của chương trình thứ hai phải khác ngành đào tạo chính của chương trình thứ nhất;

b. Thời hạn đăng ký: sau khi đã kết thúc học kỳ đầu tiên và trước khi nhập học khóa của chương trình thứ nhất;

c. Sinh viên đăng ký học thêm chương trình thứ hai, nếu điểm trung bình chung học tập của năm học đầu tiên phải đạt từ 6,0 thì phải đăng ký học kỳ tiếp theo.

d. Thời gian tối đa cho phép học của sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất.

e. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên phải xem xét bảng nội dung môn học có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.

3. Sinh viên phải xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, sau khi điều kiện tốt nghiệp của chương trình thứ nhất.

4. Sinh viên làm thủ tục đăng ký học hai chương trình theo hướng dẫn và trong thời gian quy định của phòng Quản lý Đào tạo.

Điều 13. Chuyển ngành

Điều kiện chuyển ngành học:

1. Ngành chuyển phải phù hợp với ngành học và khi thi tuyển sinh vào ngành chuyển.

2. Điểm thi tuyển sinh của sinh viên phải bằng hoặc cao hơn điểm trúng tuyển của ngành chuyển cùng nguyện vọng (tức xét tuyển) của năm nhập học.

3. Thời hạn đăng ký: sau khi đã kết thúc 2 học kỳ đầu tiên và trước khi nhập học khóa của chương trình tiếp theo.

4. Sinh viên phải xét chuyển ngành 01 (một) lần trong suốt khóa học.

5. Sinh viên phải hoàn tất chương trình đào tạo của ngành mà chuyên ngành trong thời gian đào tạo còn lại của ngành học chuyên ngành theo khóa học.

Điểm 14. Chuyển ngành

1. Sinh viên được xét chuyển ngành nếu có các điều kiện sau đây:
 - a. Trong thời gian học tập, nếu gia đình chuyển nơi cư trú hoặc sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, cần thiếp chuyển ngành gần nơi cư trú của gia đình thu nhập trong học tập;
 - b. Xin chuyển ngành có cùng ngành hoặc thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo mà sinh viên đang học;
 - c. Các sinh viên của Học Trường xin chuyển ngành và Học Trường xin chuyển ngành;
 - d. Không thuộc mặt trong các trường hợp không được phép chuyển ngành quy định tại Khoản 2 – điểm 14
 - e. Thời gian theo học các tính toán khóa tuyển sinh.
2. Sinh viên không được phép chuyển ngành trong các trường hợp sau:
 - a. Sinh viên đã tham dự kỳ thi tuyển sinh theo thi chung, nhưng không trúng tuyển vào trường hoặc có kết quả thi thấp hơn điểm trúng tuyển của trường xin chuyển ngành;
 - b. Sinh viên thuộc diện ngoài vùng tuyển quy định của trường xin chuyển ngành;
 - c. Sinh viên năm thứ nhất và năm cuối khóa của chương trình chính khóa;
 - d. Sinh viên đang trong thời gian bị kỷ luật các hành vi vi phạm.
3. Thủ tục chuyển ngành như sau:
 - a. Sinh viên xin chuyển ngành phải làm hồ sơ xin chuyển ngành theo hướng dẫn của Phòng Quản lý Đào tạo.
 - b. Trên cơ sở chương trình đào tạo và kết quả học tập đã tích lũy, Phòng Quản lý Đào tạo sẽ xem xét miễn giảm môn học cho sinh viên chuyển ngành.

Chương III

ÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

Điểm 15. Thang điểm kết quả học tập

1. Kết quả học tập của môn học: được đánh giá theo thang điểm 10, làm tròn đến số nguyên. Thang điểm từ 4 trở xuống tham khảo và chuyển ngành khi có yêu cầu. Cách xếp loại kết quả học tập của môn học quy định như sau:

X p l o i		Thang i m chính th c h 10	Thang i m tham kh o h 4	
			i m ch	i m s
t	Xu t s c	9,10	A+	4,0
	Gi i	8	A	3,5
	Khá	7	B+	3,0
	TB khá	6	B	2,5
	Trung bình	5	C	2,0
Không t	Y u	4	D+	1,5
	Kém	D i 4	D	1,0
			F	0,0

- K t q u h c t p c a m t g i a i o n : là i m trung bình chung c a các môn h c ã c tích l y sau m i h c k , n m h c, khóa h c.
- i m trung bình chung tích l y c tính theo thang i m 10 và c làm tròn n 2 ch s th p phân.
- Cách x p l o i k t q u h c t p c a m t g i a i o n c quy nh nh sau:

i m trung bình chung tích l y		Thang i m 10		
X p l o i	t			
Xu t s c	t	9,00	n	10,00
Gi i	t	8,00	n c n	9,00
Khá	t	7,00	n c n	8,00
TB khá	t	6,00	n c n	7,00
Trung bình	t	5,00	n c n	6,00
Không t				
Y u	t	4,00	n c n	5,00
Kém				<4,00

i u 16. Các quy c khác v i m ghi trong b ng i m

- C m thi – i m quy c 11 (do gi ng viên ñ h và c Khoa, Phòng Qu n lý ào t o ch p thu n), c xem nh i m 0 và áp d ng trong nh ng tr ñ h p sau:
 - V ng m t quá 20 % th i gian lên l p quy nh i v i môn h c
 - V ng t 50 % s k ki m tra quy nh i v i môn h c
 - Không th c hi n các yêu c u h c t p c quy nh trong c ng môn h c
 - Vi ph m các quy nh v h c t p và thi c n m c bu c ph i c m thi
- Mi n thi – i m quy c 12, áp d ng trong tr ñ h p sinh viên t thành tích xu t s c trong quá trình h c t p môn h c c gi ng viên ñ h mi n thi và c khoa, phòng Qu n lý ào t o ch p thu n.

3. V ng thi không phép – i m quy c13, c xem nh i m 0 và áp d ng trong tr ng h p sinh viên v ng thi không lý do.
4. V ng thi có phép – i m quy c 14, c áp d ng khi sinh viên có lý do v ng thi c Phòng Qu n lý ào t o ch p thu n.

i u 17. ánh giá k t qu h c t p môn h c

1. Vi c ánh giá k t qu h c t p m t môn h c theo ph ng th c ào t o h c ch tín ch mang tính ch t ánh giá theo quá trình h c t p và c c th hóa qua các i m thành ph n c a môn h c.
2. S l ng các c t i m thành ph n, ph ng th c ánh giá cho t ng i m thành ph n c quy nh trong c ng chi ti t môn h c. i m thành ph n có th g m m t s hay t t c các d ng i m nh sau:
 - a. i m ki m tra (t p trung) gi a k ;
 - b. i m ánh giá quá trình, m c tích c c tham gia ho t ng gi ng d y h c t p;
 - c. i m th c hành c a t ng bài/ph n thí nghi m, hay thi thí nghi m.
 - d. i m bài t p l n, ti u lu n;
 - e. i m thi (t p trung) cu i k ;
 - f. i m b o v th c t p, án môn h c, khóa lu n t t nghi p.
3. i m cu i cùng ánh giá k t qu h c t p c a sinh viên i v i m t môn h c bao g m 2 thành ph n chính sau :
 - a. i m ki m tra gi a k là t ng i m c a i m ki m tra gi a k và nh ng i m thành ph n ánh giá khác ã công b cho sinh viên trong c ng môn h c.
 - b. i m thi cu i k
 - c. i m t ng k t môn h c = i m ki m tra gi a k x T l % trong i m t ng k t môn h c + i m thi cu i k x T l % trong c c u i m t ng k t môn h c.
4. T l % c a i m ki m tra gi a k và i m thi cu i k trong c c u i m t ng k t do Khoa quy nh trong c ng môn h c thông báo cho sinh viên vào u m i h c k

i u 18. T ch c k thi k t thúc môn h c

1. Cu i m i h c k , nhà tr ng t ch c m t k thi chính ánh giá k t qu h c t p c a sinh viên.
2. Nhà tr ng s t ch c k thi ph cho sinh viên v ng thi có lý do k thi chính c Phòng Qu n lý ào t o ch p thu n.
3. Th i gian dành cho ôn thi m i môn h c t l thu n v i s tín ch c a môn h c ó, ít nh t là 2/3 ngày cho m t tín ch . Phòng Qu n lý ào t o quy nh c th th i gian dành cho ôn thi và th i gian thi cho các k thi.

4. thi k t thúc môn h c phù h p v i n i dung môn h c và hình th c ánh giá ã thông báo cho sinh viên trong c ng môn h c u h c k .
5. Sinh viên v ng m t trong k thi k t thúc môn h c, n u không c Phòng Qu n lý ào t o ch p thu n ph i nh n i m 0.

i u 19. B o l u k t qu và m i n h c môn h c

1. i v i các môn h c ã h c ngoài tr ng, sinh viên có th xin xét m i n h c ho c chuy n i m theo h ng d n c a Phòng Qu n lý ào t o.
2. i v i tr ng h p sinh viên thu c di n chuy n tr ng ho c chuy n t n c ngoài v s do Hi u tr ng quy t nh và s t n ch c b o l u không c v t quá 50% s t n ch c a ch ng trình ào t o khóa – ngành.
3. Th i gian b o l u các k t qu h c t p c a các môn h c c qui nh nh sau:
 - a. Không quá 7 n m tính n ngày xét m i n gi m i v i các môn h c thu c k h i k i n th c giáo d c i c ng;
 - b. Không quá 5 n m tính n ngày xét m i n gi m i v i các môn h c thu c k h i k i n th c giáo d c chuyên nghi p.
4. Sinh viên ã có quy t nh xóa tên do b h c, ngh h c ho c b bu c thôi h c n u tham gia thi tuy n sinh và trúng tuy n vào h chính quy thì ph i h c l i toàn b ch ng trình ào t o – không c xét m i n môn h c tr các môn h c ã c p ch ng ch Giáo d c Qu c phòng, Giáo d c th ch t.

i u 20. S t n ch tích lu và i m trung bình tích lu

1. i m trung bình chung h c k và i m trung bình chung tích l y c tính theo công th c sau và c làm tròn n 2 ch s th p phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong ó:

+ A là i m trung bình chung h c k ho c i m trung bình chung tích l y

+ a_i là i m c a môn h c th i

+ n_i là s t n ch c a môn h c th i

+ n là t ng s môn h c ng ký h c t p.

2. i m trung bình tích l y và s l ng t n ch tích l y là ch s ánh giá chung v t i n h c t p và h c l c c a sinh viên – ch s x p h ng k t qu h c t p trong quá trình h c t i tr ng và là c s x p h ng khi t t nghi p.
3. S t n ch tích l y c nh ngh a nh sau:

- a. Là tổng số tín chỉ của các môn học sinh viên đã đăng ký, đã học và có điểm trung bình tích lũy (kể các môn học chuyển môn, miễn học, miễn thi).
 - b. Số tín chỉ tích lũy tính 01 lần cho mỗi mã số môn học có điểm trung bình tích lũy 1 lần cho các môn thi nghiệm và tính các môn chuyển môn.
4. Điểm trung bình tích lũy của ngành như sau:
- a. Là điểm trung bình có hệ số (số tín chỉ của môn học) của tất cả điểm trung bình các môn học mà sinh viên đã học kể từ khi nhập học cho đến khi tính bao gồm các môn chuyển môn và có điểm.
 - b. Điểm trung bình tích lũy tính theo thang điểm 10 và làm tròn đến 2 chữ thập phân.
5. Số tín chỉ tích lũy ngành của ngành như sau:
- Là tổng số tín chỉ tích lũy của các môn học thuộc chương trình đào tạo khóa ngành (kể các môn học chuyển môn hoặc thay thế cho môn học có trong chương trình đào tạo khóa ngành).
6. Điểm trung bình chung học kỳ của số điểm xét học bổng, khen thưởng sau miễn học, miễn học, khóa học.
7. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy xét thi học, xếp hạng học lực sinh viên, xếp hạng tốt nghiệp và xét cấp học bổng, khen thưởng theo quy định của nhà trường.

Điều 21. Phúc tra và khiếu nại

1. Khi vi phạm thi đua hoặc các điểm thi thành phần, sinh viên có khiếu nại trực tiếp với cán bộ giám đốc khi công bố điểm trên lớp. Sinh viên sẽ không còn quyền khiếu nại sau khi báo ghi điểm đã nộp vào phòng Khảo thí và kiểm tra chất lượng.
2. Khi phát hiện có bất công khác biệt nào giữa báo ghi điểm công bố và điểm của sinh viên, lưu trữ trong hồ sơ quản lý học vụ, sinh viên có trách nhiệm thông báo và yêu cầu phòng Khảo thí và kiểm tra chất lượng kiểm tra lại các điểm trung bình.

Điều 22. Thông báo điểm và xác nhận kết quả học tập

1. Các điểm thành phần của cán bộ giám đốc thông báo cho sinh viên trong giờ học trên lớp hoặc trên website của trường.
2. Báo cáo báo ghi điểm của lưu trữ phòng Khảo thí và kiểm tra chất lượng và điểm thi sẽ cập nhật vào cơ sở dữ liệu của trường. Sinh viên có thể theo dõi trên trang WEB của nhà trường bất kỳ kết quả học tập cá nhân.
3. Trong quá trình học, sinh viên có quyền nghỉ nhà trường cấp bằng điểm chính thức của mình hay nghỉ học để đi học. Báo điểm này ghi kết quả học tập (nếu học không tốt) của tất cả các môn học mà sinh viên có đăng ký trong học kỳ.

4. Sinh viên tốt nghiệp phải chấp hành nghiêm túc quy định của toàn bộ quá trình học tập của sinh viên theo chương trình đào tạo khóa – ngành tương ứng.

Chương IV

XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Điều 23. Thủ tục thi khóa, làm luận án hoặc khóa luận tốt nghiệp

Vào học kỳ cuối khóa, sinh viên chấp hành đúng quy định thi khóa; viết luận, khóa luận tốt nghiệp hoặc học thêm môn học chuyên môn quy định theo chương trình đào tạo khóa – ngành như sau:

1. Thủ tục thi khóa:

Sinh viên chấp hành thủ tục thi khóa quy định theo chương trình đào tạo khóa – ngành. Khoa, Ban phụ trách chuyên môn phân công giảng viên hướng dẫn và chấm, không phải bố trí đề thi.

2. Viết luận, khóa luận tốt nghiệp:

- Điều kiện viết luận, khóa luận tốt nghiệp do Khoa, Ban phụ trách chuyên môn quy định.
- Khoa, Ban phụ trách chuyên môn phân công giảng viên hướng dẫn. Sau khi hoàn thành luận, khóa luận tốt nghiệp sinh viên nộp đề thi.
- Sinh viên có luận, khóa luận tốt nghiệp không đạt, phải đăng ký làm luận, khóa luận tốt nghiệp; hoặc phải đăng ký học thêm các học phần chuyên môn thay thế thích hợp theo yêu cầu của chương trình đào tạo khóa – ngành.

3. Học và thi môn học chuyên môn:

- Sinh viên không làm luận, khóa luận tốt nghiệp phải đăng ký học thêm các môn học chuyên môn thích hợp theo yêu cầu của chương trình đào tạo khóa – ngành.
- Môn học chuyên môn của mĩ thuật chương trình đào tạo khóa – ngành do Khoa, Ban phụ trách chuyên môn quy định.

Điều 24. Chế độ luận, khóa luận tốt nghiệp

1. Hình thức quy định danh sách các đề thi luận, khóa luận tốt nghiệp và đề thi môn thi tốt nghiệp.

2. Hình thức luận, khóa luận tốt nghiệp chấp hành theo thang điểm theo quy định tại Điều 15 của Quy chế này.

- a. Quy định luận, khóa luận tốt nghiệp công bố chính thức là 3 tuần, kể từ ngày nhận đề luận, khóa luận tốt nghiệp.

- b. Điểm án, khóa luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học.

ĐIỀU 25. ĐIỀU KIỆN XÉT TỐT NGHIỆP VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

1. Sinh viên có các điều kiện sau thì được xét và công nhận tốt nghiệp:
 - a. Cho điểm thi điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kết luận về hình sự;
 - b. Tích lũy số tín chỉ môn học và khối lượng kiến thức quy định cho chương trình đào tạo mở khóa – ngành;
 - c. Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt 5,0 trở lên;
 - d. Có chương trình giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất để thực hiện các khóa – ngành đào tạo không chuyên về quân sự và thể dục - thể thao.
2. Các khóa học xét tốt nghiệp miễn,缓 học xét tốt nghiệp của các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định tại Khoản 1 - điều 25 lập danh sách những sinh viên điều kiện tốt nghiệp.
3. Các ngành của缓 học xét tốt nghiệp,缓 học trừ điểm quy định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên điều kiện tốt nghiệp.

ĐIỀU 26. CÁC ĐIỀU KIỆN XÉT TỐT NGHIỆP, ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC CHUYỂN LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO

1. Được tốt nghiệp đại học, cao đẳng cấp theo ngành đào tạo chính (đến ngành hoặc song ngành).
2. Học tốt nghiệp của sinh viên được xếp loại tốt theo thang đánh giá chung từ 15 và điểm trung bình chung tích lũy khóa học của sinh viên khi tốt nghiệp. Để thực hiện xếp hạng và loại tốt nghiệp và loại xuất sắc bằng tốt nghiệp các trường hợp sau:
 - Có số tín chỉ phải vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn khóa học.
 - Đã bị kết luận trong thời gian học tập mà có nháp cấp trên trở lên.
3. Kết quả học tập của sinh viên phải được ghi vào bảng điểm theo từng môn học. Trong bảng điểm ghi chuyên ngành (học chuyên sâu) hoặc ngành phụ (nếu có).
4. Sinh viên phải đạt các môn học Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất những ngày nghỉ lễ và thời gian nghỉ phép, trong thời hạn 5 năm tính từ ngày phải học xong, để thực hiện các điều kiện xét tốt nghiệp.
5. Sinh viên không tốt nghiệp cấp giấy chuyển ngành không kết quả học tập các môn học đã học trong chương trình đào tạo mở khóa – ngành của trường. Những sinh viên này nếu có nguyện vọng, được quy định làm đơn xin chuyển qua các loại hình đào tạo khác theo quy định của nhà trường.

Điểm 27. Thủ tục quy định và công bố nội dung thí nghiệm

1. Sau khi có quy định công bố nội dung thí nghiệm, các sinh viên phải làm thủ tục ra trường theo quy định của nhà trường.
2. Căn cứ vào quy định và danh sách sinh viên thí nghiệm của Hội đồng ký duyệt, Phòng Quản lý Đào tạo lập kế hoạch in và thi gian công bố phát hành nội dung thí nghiệm thông báo cho sinh viên.
3. Trong thời gian chờ nhận văn bản nội dung thí nghiệm, sinh viên có thể nộp xin cấp giấy chứng nhận thí nghiệm tạm thời sử dụng theo nhu cầu cá nhân.
4. Văn bản nội dung thí nghiệm chính thức in cho sinh viên thí nghiệm. Trường hợp bổ sung hoặc chỉnh sửa, sinh viên có thể nộp xin cấp bổ sung văn bản nội dung thí nghiệm theo hướng dẫn của Phòng Quản lý Đào tạo.

Chương V

CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điểm 28. Xử lý vi phạm

Xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm các quy định thi, kiểm tra

1. Trong khi diễn ra kiểm tra thi công khai, thi kín, thi trắc nghiệm, nếu sinh viên vi phạm quy định, sinh viên sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của nhà trường.
2. Sinh viên thi học sinh giỏi khác thi học sinh giỏi, thi kiểm tra môn học chính thức thi điểm môn thi vị trí thi học sinh giỏi môn I và thi học sinh giỏi vị trí thi học sinh giỏi môn II.

Điểm 29. Điều khoản thi hành

1. Quy định này có hiệu lực bắt buộc cho sinh viên các khóa đào tạo đại học, cao đẳng, bậc trung học, liên thông cao đẳng lên Đại học chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Đại học M - TP. Hồ Chí Minh từ học kỳ 1 năm học 2012-2013.
2. Các văn bản, các điều khoản do trường quy định khác trái với quy định này đều bãi bỏ.
3. Vì lợi ích chung, bổ sung các điều khoản của quy định do Hội đồng quy định.

HỘI ĐỒNG

(đã ký)

Lê B o Lâm